

Số: 15 /2017/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác,
liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng
cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CÔNG VĂN BẢN SỐ 540
Ngày 20 tháng 4 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT, ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 22/TTr - SNN, ngày 10 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2017; bãi bỏ Quyết định số 298/QĐ-UBND, ngày 30/01/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế-Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NC, KT, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT(Đg-60b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15/2017/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách Nhà nước nhằm khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách hiện hành của Nhà nước.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp trong nước có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với Hợp tác xã, liên Hợp tác xã (gọi chung là tổ chức đại diện của nông dân) hoặc hộ gia đình, cá nhân, trang trại (gọi chung là nông dân).

2. Tổ chức đại diện của nông dân có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc nông dân.

3. Nông dân tham gia hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Điều 3. Quy định tiêu chí xây dựng cánh đồng lớn

1. Tiêu chí bắt buộc.

a) Phù hợp với quy hoạch của địa phương về: Phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.

c) Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:

- Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân;
- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân;
- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện nông dân;
- Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

d) Quy mô diện tích tối thiểu một số loại cây trồng: Cánh đồng lớn diện tích phải tập trung (liền vùng, liền khoảnh) và đảm bảo quy mô diện tích tối thiểu, như sau: 50ha đối với Cà phê; 30ha đối với Cao su; 50ha đối với cây Mía; 30 ha đối với cây Ngô; 20ha đối với cây Lúa nước và 30 ha đối với cây Sắn.

2. Tiêu chí khuyến khích.

a) Có hạ tầng kinh tế, như: Hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

b) Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, Global GAP...) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

1. Hỗ trợ phải theo kế hoạch, dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ hàng năm trên cơ sở các dự án đã được phê duyệt và thực hiện hỗ trợ sau đầu tư (sau khi thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa các bên theo từng vụ sản xuất) cho các đối tượng quy định tại Điều 2, Quy định này.

2. Lồng ghép các nguồn vốn từ các cơ chế, chính sách có liên quan của Trung ương, của tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ.

3. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

4. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II

QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Đối với doanh nghiệp

1. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

Hỗ trợ một lần/01 dự án, 50% chi phí để doanh nghiệp tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng. Mức chi hỗ trợ bằng 50% theo quy định tại khoản 2, Điều 4 quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được ban hành kèm theo Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND, ngày 19/10/2012

của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND, ngày 13/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ngân sách hỗ trợ một lần/01 dự án, 30% kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi nội đồng và hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn. Mức hỗ trợ căn cứ vào nhu cầu đầu tư của từng dự án và được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 6. Đối với tổ chức đại diện của nông dân

1. Hỗ trợ tập huấn.

a) Hỗ trợ một lần/01 dự án, 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất. Mức chi hỗ trợ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 89/2013/NQ-HĐND, ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ các sáng lập viên Hợp tác xã chuẩn bị thành lập và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho các chức danh của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ một lần/01 dự án, 100% kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng. Mức chi hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 4 quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được ban hành Kèm theo Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND, ngày 19/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND, ngày 13/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Hỗ trợ dịch vụ bảo vệ thực vật.

Hỗ trợ 30% trong năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên.

Điều 7. Đối với nông dân

1. Được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và thông tin thị trường miễn phí liên quan đến loại sản phẩm tham gia cánh đồng lớn.

2. Hỗ trợ một lần 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn. Riêng đối với cây lâu năm (cà phê, cao su), nếu nông dân không nhận hỗ trợ giống thì được hỗ trợ 2 triệu đồng/ha để mua phân bón trong vụ đầu tiên tham gia trong dự án cánh đồng lớn.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp, thời hạn tối đa là 3 tháng trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản.

Điều 8. Nguồn vốn hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh, Ngân sách tỉnh và nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Xử lý vi phạm hợp đồng

1. Các bên tham gia liên kết vi phạm hợp đồng sẽ bị xử lý theo nội dung, điều kiện thỏa thuận về xử lý vi phạm hợp đồng được thể hiện trong hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thuộc dự án cánh đồng lớn.

2. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân, hộ nông dân đã nhận hỗ trợ của Nhà nước theo quy định nhưng vi phạm hợp đồng liên kết đã ký với đối tác mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi và không được xét hỗ trợ ở năm tiếp theo.

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và đối tượng hưởng chính sách.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân thực hiện có hiệu quả Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định này.

b) Chủ trì, tham mưu xây dựng quy hoạch cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương xây dựng dự án cánh đồng theo đề nghị của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân. Tiếp nhận, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Dự án cánh đồng lớn cho các doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu xây dựng Kế hoạch bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm cho các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm.

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn đối với tổ chức đại diện của nông dân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này.

e) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp khuyến khích đồn điền, đổi thửa; hướng dẫn, tư vấn cho các bên tham gia liên kết thực hiện dự án cánh đồng lớn.

f) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện các dự án cánh đồng lớn và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định. Hàng năm, tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 5 quy định này.

3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về trình tự, thủ tục cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện các dự án cánh đồng lớn; hướng dẫn các chủ dự án lập thủ tục tiếp nhận kinh phí hỗ trợ và quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp cho các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân lập thủ tục đề nghị nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất, miễn tiền sử dụng đất hoặc miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 và điểm a, khoản 1, Điều 5, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan tổ chức xúc tiến thương mại ngành hàng nông sản; xúc tiến đầu tư ngành nông nghiệp; chế biến, xuất khẩu hàng nông sản; triển khai các chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ các Doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân thủ tục xây dựng và bảo hộ thương hiệu; ưu tiên xây dựng và triển khai các dự án, mô hình chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, giống mới có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao vào sản xuất tại dự án cánh đồng lớn.

7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tư vấn, hướng dẫn các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện dự án cánh đồng do các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã thực hiện (nếu có).

8. Hội Nông dân tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ theo Quy định này đến tổ chức đại diện của nông dân và nông dân trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ dự án được vay vốn và được hưởng những ưu đãi về tín dụng theo quy định để đầu tư xây dựng dự án cánh đồng lớn.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân trên địa bàn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định này.

b) Rà soát, xây dựng kế hoạch thu hút doanh nghiệp, các tổ chức của nông dân, nông dân tham gia xây dựng dự án cánh đồng lớn.

c) Đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa; ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn, đề tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng, các công trình hạ tầng phát triển sản xuất, cơ giới hóa trên các cánh đồng lớn, nhằm tăng hiệu quả sản xuất.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Xây dựng Quy hoạch cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.
- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện các dự án cánh đồng lớn trên địa bàn quản lý;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các tranh chấp, vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên liên kết.

e) Định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung quy định này; vận động nhân dân tích cực tham gia các dự án cánh đồng lớn; phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức thực hiện tốt nội dung quy định này.

b) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân lập và tổ chức triển khai dự án cánh đồng lớn trên địa bàn xã.

c) Ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn để tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng, các công trình hạ tầng phát triển sản xuất, cơ giới hóa trên các cánh đồng lớn, nhằm tăng hiệu quả sản xuất.

d) Xác nhận việc thực hiện hợp đồng của nông dân để làm căn cứ xem xét hỗ trợ theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

12. Đối tượng hưởng chính sách (doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân)

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách hỗ trợ công khai cho nông dân tham gia dự án.

b) Thực hiện đúng các quy định về xây dựng, triển khai thực hiện phương án tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các nội dung trong quy định này.

c) Tập trung nguồn lực tự có để đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất; bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật; nâng cao năng lực trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Chủ trì tổ chức tập huấn đối với nông dân theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 quy định này.

e) Thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm đối với nội dung Hợp đồng đã ký kết.

f) Quản lý, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thực hiện chính sách theo quy định; quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 11. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc; các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị